

Số: ...40../2025/CV-VCF  
V/v Cập nhật thông tin sau công bố và  
bổ sung nhãn sản phẩm

Đồng Nai, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Phòng An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Đồng Nai

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm **THỰC PHẨM BỔ SUNG - SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST CANXI** theo Bản tự công bố sản phẩm số 002/VCF/2020 ("TCB"), công văn số 37/2022/CV-VCF và công văn số 29/2024/CV-VCF đã được Công ty hoàn tất thủ tục công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm.

Bằng văn bản này, theo Khoản 4 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Công ty xin thông báo:

- Bổ sung thông tin Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu tại Mục 2 và cập nhật thông tin văn bản quy định pháp luật áp dụng tại nội dung Các chỉ tiêu vi sinh vật tại Mục 3 của Phụ lục Danh mục chỉ tiêu và Mức công bố của sản phẩm (Đính kèm Phụ lục và các Phiếu kết quả kiểm nghiệm liên quan chỉ tiêu).
- Bổ sung mẫu nhãn gói, khối lượng tịnh: 25 g cập nhật bố cục thiết kế trên bao bì và có các thay đổi sau:
  - Bỏ nội dung: 5 dưỡng chất, canxi, chất đạm, chất xơ, phốt-pho, carbohydrat;
  - Bổ sung nội dung ghi nhãn dinh dưỡng thành như sau:

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g		Mức đáp ứng RNI, % (***)
Năng lượng/ Energy	444,5 kcal	
Carbohydrat/Carbohydrate	78,4 g	
Chất đạm/ Protein	4,6 g	
Chất béo/ Total fat	12,5 g	
Đường tổng số/ Total sugars	41,2 g	
Natri/ Sodium	408 mg	
Xơ tiêu hóa/ Dietary fiber	3,1 g	
Photpho/ Phosphorus	383 mg	54,7 %
Canxi/ Calcium	400 mg	40 %

(\*\*\*):

- RNI: lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam
- Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 100 g sản phẩm cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Bổ sung mẫu nhãn bạch, khối lượng tịnh: 500 g (20 gói x 25 g) cập nhật bố cục thiết kế trên bao bì và có các thay đổi sau:

– Điều chỉnh các nội dung như sau:

Nội dung cũ	Nội dung sau cập nhật
Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng, canxi, phốt-pho từ sữa	Bổ sung dinh dưỡng, canxi, phốt-pho từ sữa
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG: Phù hợp với người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên	LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ: Phù hợp với người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên. Sử dụng từ 2 gói/ ngày để bổ sung Canxi cho gia đình. Trẻ em dùng tối đa 2 gói/ ngày.
LIỀU DÙNG KHUYẾN NGHỊ: Sử dụng từ 2 gói/ ngày để bổ sung Canxi cho gia đình. Trẻ em dùng tối đa 2 gói/ ngày	

– Bổ sung nội dung ghi nhãn dinh dưỡng thành như sau:

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g	Mức đáp ứng RNI, % (***)	
Năng lượng/ Energy	444,5 kcal	
Carbohydrat/Carbohydrate	78,4 g	
Chất đạm/ Protein	4,6 g	
Chất béo/ Total fat	12,5 g	
Đường tổng số/ Total sugars	41,2 g	
Natri/ Sodium	408 mg	
Xơ tiêu hóa/ Dietary fiber	3,1 g	
Photpho/ Phosphorus	383 mg	54,7 %
Canxi/ Calcium	400 mg	40 %
(***): - RNI: lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam - Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 100 g sản phẩm cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật.		

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với thông tin đã công bố (đính kèm các mẫu nhãn bổ sung).

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu R&D, VT.



Huyền Công Hoàn

## Phụ lục

### DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 002/VCF/2020

Theo Công văn số 40./2025/CV-VCF

<b>CÔNG TY</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM</b>	<b>Số TCCS 02:2020/BH106</b>
<b>CỔ PHẦN</b>	<b>NGŨ CỐC</b>	
<b>VINACAFÉ</b>	<b>THỰC PHẨM BỔ SUNG - SỮA</b>	Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục
<b>BIÊN HÒA</b>	<b>HẠT NGŨ CỐC B'FAST</b>	tự công bố sản phẩm và/hoặc thủ tục
	<b>CANXI</b>	thông báo bằng văn bản đến cơ quan
		quản lý nhà nước có thẩm quyền

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

- Trạng thái: Dạng bột, có vảy cốm trong sản phẩm
- Màu sắc: Màu trắng, có các vảy màu vàng nhạt
- Mùi: Mùi thơm sữa quện mùi ngũ cốc.
- Vị: Vị sữa quện ngũ cốc, vị ngọt béo hài hòa.

#### 2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng ẩm	% khối lượng	≤ 5,0
2	Hàm lượng xơ tiêu hóa	g/100 g	2,2 – 4,0
3	Hàm lượng protein	g/100 g	3,2 – 6,0
4	Hàm lượng béo	g/100 g	8,8 – 16,2
5	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	68,2 – 88,6
6	Năng lượng	kcal/100g	364,8 – 524,2
7	Hàm lượng đường tổng số	g/100 g	28,8 – 53,6
8	Hàm lượng natri	mg/ 100 g	258,0 – 558,0
9	Hàm lượng canxi (*)	mg/100 g	280,0 – 520,0
10	Hàm lượng photpho (*)	mg/100g	250,0 – 516,0

(\*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 6.

#### 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bánh, bột (*dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng*):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 <sup>2</sup>
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		hoặc MPN/g	3
4	Coliforms	CFU/g	10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	0,1

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc, bao gồm cả những sản phẩm đã qua chế biến; sản phẩm ngũ cốc đã qua xử lý cũng như ngũ cốc dùng làm thực phẩm; ngũ cốc dùng để ăn, bột ngũ cốc:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Hàm lượng zearalenone	µg/kg	75

6. **Mức đáp ứng RNI:**

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

026  
CÔNG  
CỔ PH  
INAC  
BIÊN  
HÒA

*Handwritten signature*

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố /100 g	Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm	Mức đáp ứng RNI (*), %																
				Trẻ nhỏ, tuổi		Nam vị thành niên, tuổi		Nam trưởng thành, tuổi		Nữ vị thành niên, tuổi		Nữ trưởng thành niên, tuổi		Phụ nữ mang thai		Bà mẹ cho con bú (trong suốt thời kỳ cho con bú)				
				4-6	7-9	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	3 tháng đầu	3 tháng giữa	3 tháng cuối
1	Canxi	280,0 - 520,0	140,0 - 260,0	23,3 - 43,3	20 - 37,1	14,0 - 26,0	20,0 - 37,1	19-49 50-60 >60	10-12 13-15 16-18	19-49 50-60 >60	10-12 13-15 16-18	19-49 50-60 >60	14,0 - 26,0	20,0 - 37,1	14,0 - 26,0	3 tháng đầu	3 tháng giữa	3 tháng cuối	14,0 - 26,0	14,0 - 26,0
2	Photpho	250,0 - 516,0	125,0 - 258,0	25,0 - 51,6	10,0 - 20,6	10,0 - 20,6	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	10,0 - 20,6	17,9 - 36,9	10,0 - 20,6	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9	17,9 - 36,9

$$\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm} = \frac{\text{Mức công bố x 50}}{100}$$

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm x 100}}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam}}$$

Mức đáp ứng RNI =  $\frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm x 100}}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam}}$

Khối lượng tịnh mỗi gói: 25 g

(\*) Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 2 gói sản phẩm cho các nhóm đối tượng theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



*Handwritten signature in blue ink.*



Sachet NC B'fast Canxi 25gr

Mã kiểm soát AW: BNME00046 – 02:2020/BH106



**Thực phẩm bổ sung –  
Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi**

*(\*) Chứa khoảng 100 mg canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm*

**+ 100 mg  
CANXI  
TỪ SỮA**

**cả nhà cùng  
nhâm nhi**

**KHỐI LƯỢNG TÍNH: 25 g**

09-05-2025

# Sachet NC B'fast Canxi 25gr

Mã kiểm soát AW: BNME00046 – 02:2020/BH106

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g		Mức đáp ứng RNI <sup>(*)</sup>
Năng lượng/ Energy	444,5 kcal	
Carbohydrat/ Carbohydrate	78,4 g	
Chất đạm/ Protein	4,6 g	
Chất béo/ Total fat	12,5 g	
Đường tổng số/ Total sugars	41,2 g	
Natri/ Sodium	408 mg	
Xơ tiêu hoá/ Dietary fiber	3,1 g	
Phospho/ Phosphorus	383 mg	54,7 %
Canxi/ Calcium	400 mg	40 %

(\*\*):  
- RNI: lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam  
- Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 100 g sản phẩm cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:



Cho 1 gói Thực phẩm bổ sung - Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi vào tách. Thêm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Có thể dùng chung với đá. Có thể cho 2 gói tùy sở thích.

## THÀNH PHẦN:

Vây ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, dextrose, bột gạo, bột nếp, fructose syrup, muối, chất ổn định (1414), đường, bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551)), hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,8 %.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mạch, sữa, lúa mì, đậu nành.  
(\*): Chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm



**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2020/BH106

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.  
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Sản phẩm chất lượng của



# BNME00046

Mã kiểm soát nội bộ, có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.

09-05-2025

**Túi NC B'fast Canxi 20 gói x 25gr**  
**Mã kiểm soát AW: BNTU01446 – 02:2020/BH106**



VINACAFE BH

sữa hạt ngũ cốc

# NGŨ CỐC DINH DƯỠNG

**+100 mg CANXI TỪ SỮA**

**Thức phẩm bổ sung – Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi**

*Chứa năng lượng 100 mg sữa tươi (Bột sữa), 1 gói 25g/1 gói*

**Khối lượng tịnh: 500 g (20 gói x 25 g)**

**cả nhà cùng nhân nhi**

**NGŨ CỐC DINH DƯỠNG**

Sản phẩm chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa (\*) - là nguồn Canxi dễ hấp thu (\*\*), giúp cả gia đình bổ sung Canxi hàng ngày.

Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung thêm các chất dinh dưỡng: Bơam, xê, phot-pho, carbohydrat, có thể dùng thay thế bữa ăn nhẹ.

(\*) Chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm.

(\*\*) So với nguồn canxi từ Canxi carbonate

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

Cho 1 gói Thức phẩm bổ sung - Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi vào bình đun sôi. Cho nước nóng vừa đủ. Có thể cho 2 gói/lý 200 ml.

**HƯƠNG DỊNH BẢO QUẢN:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Tránh để gần hạt thối và sản phẩm từ thịt nguyên.

**5 DƯỠNG CHẤT**

- CANXI
- CHẤT ĐÀM
- CHẤT XƠ
- PHÔT-PHO
- CARBONHYDRAT

BNTU01446

934683 008720

**+100 mg CANXI TỪ SỮA**

Giá trị dinh dưỡng trong 100g sản phẩm	
Năng lượng/100g	442 kJ/105 kcal
Chất béo/100g	6,5 g
Chất đạm/100g	11,5 g
Chất xơ/100g	0,5 g
Glucose/100g	60,5 g
Canxi/100g	100 mg
Phốt-pho/100g	200 mg
Carbohydrat/100g	60,5 g

Giá trị dinh dưỡng có thể thay đổi tùy theo công thức sản phẩm. Vui lòng đọc kỹ nhãn sản phẩm để biết thêm chi tiết.

**Thông tin khác:**

Ngày sản xuất: 23/05/2020  
 Hạn sử dụng: 06/05/2021  
 Nơi sản xuất: Nhà máy Sản xuất Sữa và Sản phẩm Sữa của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) tại Khu công nghiệp Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ văn khách hàng: 1800 0068**

Ngày sản xuất (DCC) xem trên bao bì

Hạn sử dụng (DCC) xem trên bao bì

**Liên hệ:** 09 99 99 99 99

**Địa chỉ:** 1800 0068

**Website:** www.vinamilk.com.vn

**Địa chỉ:** 1800 0068

**Website:** www.vinamilk.com.vn

**Địa chỉ:** 1800 0068

**Website:** www.vinamilk.com.vn



*Handwritten signature*

09-05-2025

Túi NC B'fast Canxi 20 gói x 25gr

Mã kiểm soát AW: BNTU01446 – 02:2020/BH106



**cả nhà cùng  
nhâm nhi**

**+100 mg  
CANXI  
TỪ SỮA<sup>(\*)</sup>**



**NGŨ CỐC DINH DƯỠNG**

**Khối lượng tịnh: 500 g  
(20 gói x 25 g)**

**Thực phẩm bổ sung -  
Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi**  
(\*) Chứa khoảng 100 mg canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm

09-05-2025

Túi NC B'fast Canxi 20 gói x 25gr  
Mã kiểm soát AW: BNTU01446 – 02:2020/BH106



## NGŨ CỐC DINH DƯỠNG

Sản phẩm chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa (\*) - là nguồn Canxi dễ hấp thu (\*\*), giúp cả gia đình bổ sung Canxi hàng ngày.

Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung thêm các chất dinh dưỡng: Đạm, xơ, phot-pho, carbohydrat, có thể dùng thay thế bữa ăn nhẹ.

(\*) Chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm

(\*\*) So với nguồn canxi từ Canxi carbonat

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Cho 1 gói Thực phẩm bổ sung - Sữa hạt ngũ cốc B'fast Canxi vào tách. Châm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Có thể dùng chung với đá. Có thể cho 2 gói tùy sở thích.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g

Mức đáp ứng RNI, % (\*\*\*)

Năng lượng/ Energy	444,5 kcal	
Carbohydrat/ Carbohydrate	78,4 g	
Chất đạm/ Protein	4,6 g	
Chất béo/ Total fat	12,5 g	
Đường tổng số/ Total sugars	41,2 g	
Natri/ Sodium	408 mg	
Xơ tiêu hóa/ Dietary fiber	3,1 g	
Photpho/ Phosphorus	383 mg	54,7 %
Canxi/ Calcium	400 mg	40 %

(\*\*\*) - RNI: lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam

- Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 100 g sản phẩm cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật

0 9 -05- 2025

**Túi NC B'fast Canxi 20 gói x 25gr**  
**Mã kiểm soát AW: BNTU01446 – 02:2020/BH106**

Mã kiểm soát nội bộ,  
có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.



Bổ sung dinh dưỡng, canxi, phot-pho từ sữa.

**LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ:** Phù hợp với người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên. Sử dụng từ 2 gói/ ngày để bổ sung Canxi cho gia đình. Trẻ em dùng tối đa 2 gói/ ngày.

**THÀNH PHẦN:**

Vẩy ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, dextrose, bột gạo, bột nếp, fructose syrup, muối, chất ổn định (1414)), đường, bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551)), hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,8%.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mạch, sữa, lúa mì, đậu nành.

**5 DƯỠNG CHẤT**

**CANXI**

**CHẤT ĐẠM**

**CHẤT XƠ**

**PHỐT-PHO**

**CARBOHYDRAT**

**BNTU01446**

8 934683 008720

Sản xuất theo số TCS 02:2020/BH106  
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Tư vấn khách hàng: 1800 6068**

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản phẩm  
chất lượng của



VINACAFÉ BH



Vietnam Value

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

09-05-2025

KT3-00778ATP5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

13/02/2025  
Page 01/02

1. Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG – SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST CANXI  
*Name of sample*
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
*Sample description*  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and brand.*
3. Số lượng mẫu : 01  
*Quantity*
4. Ngày nhận mẫu : 07/02/2025  
*Date of receiving*
5. Thời gian thử nghiệm : 10/02/2025 – 13/02/2025  
*Testing duration*
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
*Customer*  
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*  
*Test results*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-00778ATP5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

13/02/2025  
Page 02/02



7. Kết quả thử nghiệm :  
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ Calories <sup>(*)</sup> • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	462
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method		-	4,77
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g Carbohydrate excluding fibre content	AOAC 2020.07		-	83,1
7.4. Hàm lượng đường tổng số <sup>(1)</sup> , g/100 g Total sugar content	QUATEST3 1222:2024	-		41,0
7.5. Hàm lượng béo, g/100 g Total fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		-	12,3
7.6. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		411

**Ghi chú/ Note:** Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen  
(1): Hàm lượng đường tổng số (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose+galactose)



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.